

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯƠNG MỸ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **236/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 24-6-2020

V/v: “*Ly hôn, nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Long**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Tiến Lợi**

Bà **Nguyễn Thị Liên**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Long** - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà **Triệu Thị Hồng** - Kiểm sát viên.

Ngày **24** tháng **6** năm **2020**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số **83/2020/TLST-HNGĐ** ngày 10/3/2020. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **42/2020/QĐXXST-HNGĐ** ngày 04 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số **26/2020/QĐHPTST-HNGĐ** ngày 11 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Chị BTĐ**, sinh năm 1983.

HKTT: tổ 7, khu T, thị trấn X, huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội.

Nơi cư trú: thôn Đ, xã H, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

*** Bị đơn: Anh NTS**, sinh năm 1973;

HKTT và cư trú: tổ 7, khu T, thị trấn X, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa: Có mặt chị BTĐ và anh NTS.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị BTĐ trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh NTS kết hôn năm 2011 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn X, huyện Chương Mỹ ngày 11/4/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà anh S tại tổ 7, khu T, thị trấn X, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên mâu

thuần, cãi vã nhau do bất đồng quan điểm sống và cũng vì vợ chồng kết hôn đã lâu mà không có con chung. Do mâu thuẫn nên khoảng đầu năm 2019, chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Đ, xã H, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình sinh sống và vợ chồng đã ly thân từ đó cho tới nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và xin được ly hôn với anh NTS để ổn định cuộc sống

Về con chung: Chị và anh NTS có 01 con trong thời kỳ hôn nhân là cháu NML, sinh ngày 01/02/2020. Ly hôn chị Đ có nguyện vọng nuôi cháu NML, không yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện nay chị đang làm nghề may, thu nhập từ 7-8 triệu/tháng. Chị Đ có đầy đủ điều kiện về nơi ăn ở để chăm sóc cháu. Theo chị, cháu ML không phải con đẻ của anh S mà do chị tự đi thụ tinh nhân đạo, cấy phôi. Khi chị đi khai sinh cho cháu ML thì chị vẫn khai anh S đứng tên bố đẻ của cháu ML. Việc xác định cháu ML không phải là con đẻ của anh S thì chị chưa yêu cầu Tòa án xác định vì khi chị đi xin tinh trùng tại bệnh viện chị không biết tinh trùng cấy cho chị là của ai.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: Chị không yêu cầu giải quyết.

*** Bị đơn - Anh NTS trình bày:**

Về hôn nhân: Anh thừa nhận quá trình kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, nơi vợ chồng chung sống sau khi kết hôn như chị Đ trình bày. Quá trình chung sống với nhau anh thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Đầu năm 2019, chị Đ đã dọn đồ về nhà mẹ đẻ tại xã H, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình để ở. Anh đã đến nhà chị Đ xin lỗi và muốn đón chị Đ về đoàn tụ nhưng chị Đ không đồng ý. Nay chị Đ xin ly hôn với anh thì anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và không đồng ý ly hôn, anh muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau xây dựng hạnh phúc.

Về con chung: Anh S thừa nhận trong thời kỳ hôn nhân, chị Đ sinh được một cháu gái đặt tên là NML, sinh ngày 01/02/2020 và anh đứng tên bố đẻ cháu ML trong giấy khai sinh. Việc chị Đ cho rằng cháu ML không phải là con đẻ của anh thì chị Đ chưa chứng minh được. Anh hiện đang đứng tên bố đẻ cháu ML và anh cũng yêu thương cháu ML như con đẻ. Nếu phải ly hôn, anh cũng có nguyện vọng nuôi cháu ML, nếu chị Đ nuôi cháu ML thì chị Đ phải cho anh quyền thăm nom, chăm sóc cháu ML. Hiện anh đang làm lái xe, thu nhập khoảng 9 triệu/tháng. Nếu được nuôi con, anh không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: Anh không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị BTĐ cương quyết xin ly hôn anh NTS, anh S không đồng ý ly hôn mà muốn vợ chồng đoàn tụ; **Về con chung:** Chị BTĐ và anh NTS đều có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung là cháu NML, sinh ngày 01/02/2020 và không

yêu cầu bên kia cấp dưỡng tiền nuôi con chung. *Về tài sản chung, công nợ chung, công sức:* Chị BTĐ và anh NTS thống nhất không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các đương sự: Các đương sự đã chấp hành đúng qui định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị BTĐ và cho chị Đ được ly hôn anh NTS; *Về con chung:* Đề nghị giao cháu NML, sinh ngày 01/02/2020 cho chị BTĐ tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu NML tròn 18 tuổi. Anh S không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung; *về tài sản chung, công nợ, công sức:* Không xem xét; *Về án phí:* Chị BTĐ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh NTS hiện cư trú tại tổ 7, khu T, thị trấn X, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị BTĐ và anh NTS kết hôn năm 2011 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn X, huyện Chương Mỹ nên hôn nhân giữa chị Đ và anh S là hợp pháp. Quá trình chung sống, theo chị Đ thì giữa vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau do bất đồng quan điểm sống và do kết hôn đã lâu mà không có con chung, đến đầu năm 2019 thì chị Đ về nhà bố mẹ đẻ và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Anh S thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, cãi vã nhau do bất đồng quan điểm sống, anh S thừa nhận chị Đ đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ đầu năm 2019 và vợ chồng ly thân từ đó tới nay. Trong thời gian vợ chồng ly thân, anh S cũng đã nhiều lần lên thăm và thuyết phục chị Đ đoàn tụ với anh để xây dựng gia đình nhưng chị Đ không đồng ý. Tại phiên tòa, chị Đ cương quyết xin ly hôn với anh S, anh S không đồng ý ly hôn với chị Đ.

Xét thấy: Chị Đ và anh S đã ly thân được một thời gian tương đối dài, cuộc sống chung vợ chồng có mâu thuẫn và không tìm được tiếng nói chung, cả hai đều không tự đưa ra được phương án cải thiện tình cảm vợ chồng, nay chị Đ cương quyết xin ly hôn. Xét tình cảm vợ chồng để cùng nhau xây dựng hạnh phúc cần có sự mong muốn đoàn tụ từ hai phía (chị Đ và anh S), nay chị Đ không đồng ý đoàn tụ mà cương

quyết xin ly hôn nên cần xác định mâu thuẫn giữa chị Đ và anh S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Đ và cho chị Đ được ly hôn anh S để cả hai ổn định cuộc sống.

[2.2] Về con chung: Chị BTĐ và anh NTS có 01 con chung trong thời kỳ hôn nhân là cháu NML, sinh ngày 01/02/2020. Hiện cháu ML đang sống cùng chị Đ. Ly hôn, chị Đ và anh S đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu NML.

Xét thấy, chị BTĐ và anh NTS đều có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung là cháu NML. Tuy nhiên, cháu NML hiện đang dưới 36 tháng tuổi và là con gái nên cần sự chăm sóc của người mẹ và cần giao cháu ML cho chị BTĐ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu NML đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Anh NTS có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị BTĐ không yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét đây là sự tự nguyện của chị Đ nên cần ghi nhận sự tự nguyện của chị Đ. Anh S không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh S cho đến khi các bên có yêu cầu.

[2.4] Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Chị BTĐ và anh NTS không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.5] Về án phí: Chị BTĐ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Chị BTĐ được ly hôn anh NTS.
2. Về con chung: Chị BTĐ và anh NTS có 01 con chung là cháu NML, sinh ngày 01/02/2020.

Giao cháu NML, sinh ngày 01/02/2020 cho chị BTĐ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu NML đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác.

Anh NTS có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Anh NTS không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, tạm hoãn việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh NTS cho đến khi các bên có yêu cầu.

4. Về tài sản, công nợ chung, công sức: Không xem xét.

5. Về án phí: Chị BTĐ phải chịu **300.000** đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Chị BTĐ đã nộp **300.000** đồng (*theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0004606 ngày 09 tháng 3 năm 2020*) tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, chị BTĐ và anh NTS có quyền kháng cáo trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tp Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ,
- CC.THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND thị trấn X, huyện Chương Mỹ
- Các đương sự;
- Lưu HSVA/VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hoàng Long